



**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE**

Tại ngày 11 tháng 04 năm 2021 / As at 11 Apr 2021

<b>1 Tên Công ty quản lý quỹ:</b> Fund Management Company:	<b>Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI</b> SSI Asset Management Company Limited
<b>2 Ngân hàng giám sát:</b> Supervisory bank:	<b>Ngân Hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)</b> Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited
<b>3 Tên Quỹ:</b> Fund name:	<b>Quỹ Đầu tư Lợi thế Cạnh tranh Bền vững SSI</b> SSI Sustainable Competitive Advantage Fund (SSI-SCA)
<b>4 Ngày lập báo cáo:</b> Reporting Date:	<b>Ngày 12 tháng 04 năm 2021</b> 12 Apr 2021

Đơn vị tính/ Currency: VND

STT No.	Chi tiêu Criteria	Mã số Code	Kỳ báo cáo This period	Kỳ trước Last period
<b>1</b>	<b>Giá trị tài sản ròng Net Asset Value</b>			
1.1	của quỹ/ of the Fund		592,229,930,835	587,020,390,309
1.2	của một lô chứng chỉ quỹ ETF/ per lot of Fund Certificate (không áp dụng/ not applicable)			
1.3	của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate		24,837.75	24,608.14
<b>2</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng đối với quỹ niêm yết) (*) Foreign Investors' Ownership Ratio (not applicable for listed fund) (*)</b>			
2.1	Số lượng chứng chỉ quỹ/ Number of Fund Certificates		11,645,925.58	11,645,925.58
2.2	Tổng giá trị/ Total value		289,258,588,075	286,584,567,102
2.3	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership Ratio		48.84%	48.82%

(\*) Các chi tiêu này được xác định tại ngày chốt giá trị tài sản ròng.  
Those items are valued as at net asset value date.

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát**  
Authorised Representative of Supervisory Bank

**Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ**  
Authorised Representative of Fund Management Company

**Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)**  
**Vũ Hương Giang**  
Trưởng Phòng Dịch vụ Quản trị và Giám sát Quỹ

**Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI**